

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|-------------------------------------|--------------|
| Thông tin chung | 1 - 2 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 3 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| Báo cáo tình hình tài chính riêng | 6 - 8 |
| Báo cáo kết quả hoạt động riêng | 9 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng | 10 - 11 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính riêng | 12 - 71 |

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt ("Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 576/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 10 năm 1992; Giấy phép hoạt động ngân hàng số 0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp ngày 22 tháng 8 năm 1992. Ngày 13 tháng 12 năm 2011, NHNN ban hành Quyết định số 2665/QĐ-NHNN chấp thuận việc sửa đổi tên gọi của Ngân hàng từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Gia Định thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 22 tháng 8 năm 1992.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16 tháng 10 năm 1992 và đăng ký thay đổi lần thứ 30 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 6 năm 2023.

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm hoạt động huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung ứng dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Ngân hàng có trụ sở chính tại Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023; Ngân hàng có một (1) trụ sở chính, ba mươi tám (38) chi nhánh, bảy mươi bảy (77) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u> |
|------------------------|--------------------|---------------------------------------|
| Ông Lê Anh Tài | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |
| Bà Nguyễn Thanh Phương | Phó Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Ngô Quang Trung | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Nhất Nam | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Phạm Quang Khánh | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 8 năm 2020 |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u> |
|--------------------------|-------------------------|---------------------------------------|
| Bà Phan Thị Hồng Lan | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Lê Hoàng Nam | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy | Thành viên chuyên trách | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 8 năm 2020 |

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/từ nhiệm</u> |
|-------------------------|--|--|
| Ông Ngô Quang Trung | Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Lê Văn Bé Mười | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2021 |
| Bà Văn Thành Khánh Linh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Phan Việt Hải | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Thanh Tú | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Phạm Anh Tú | Phó Tổng Giám đốc | Từ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2023 |
| Ông Lý Công Nha | Giám đốc Khối Tài chính kiêm Kế toán Trưởng | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 3 năm 2021 |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Ngô Quang Trung, chức danh Tổng Giám đốc.

Bà Văn Thành Khánh Linh - Phó Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định số 430/2023/UQ-BVBank của Tổng Giám đốc ngày 7 tháng 7 năm 2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Ngân hàng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ngân hàng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Bà Văn Thanh Khánh Linh
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 61938007/67530520-R

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt ("Ngân hàng"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 71 bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.


Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 30 tháng 3 năm 2023.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1


Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02/TCTD

| | <i>Thuyết minh</i> | <i>Số cuối năm Triệu đồng</i> | <i>Số đầu năm Triệu đồng</i> |
|---|--------------------|-----------------------------------|----------------------------------|
| TÀI SẢN | | | |
| Tiền mặt | 5 | 497.797 | 455.434 |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 6 | 1.862.830 | 2.404.213 |
| Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác | | 11.359.632 | 10.213.353 |
| Tiền gửi tại các TCTD khác | 7.1 | 10.459.632 | 8.378.353 |
| Cho vay các TCTD khác | 7.2 | 900.000 | 1.835.000 |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | 8 | - | 82.148 |
| Cho vay khách hàng | | 56.967.126 | 50.117.927 |
| Cho vay khách hàng | 9 | 57.768.233 | 50.859.390 |
| Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng | 10 | (801.107) | (741.463) |
| Chứng khoán đầu tư | | 12.067.336 | 11.282.618 |
| Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán | 11.1 | 7.704.617 | 11.144.413 |
| Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | 11.2 | 4.362.719 | 138.205 |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn | | 100.000 | 100.000 |
| Đầu tư vào công ty con | 12 | 100.000 | 100.000 |
| Tài sản cố định | | 1.502.903 | 1.420.971 |
| <i>Tài sản cố định hữu hình</i> | 13.1 | 471.659 | 440.340 |
| Nguyên giá tài sản cố định | | 763.771 | 692.840 |
| Khấu hao tài sản cố định | | (292.112) | (252.500) |
| <i>Tài sản cố định vô hình</i> | 13.2 | 1.031.244 | 980.631 |
| Nguyên giá tài sản cố định | | 1.236.818 | 1.167.127 |
| Hao mòn tài sản cố định | | (205.574) | (186.496) |
| Tài sản Có khác | | 3.627.096 | 3.091.887 |
| Các khoản phải thu | 14.1 | 1.500.157 | 1.524.517 |
| Các khoản lãi, phí phải thu | 14.2 | 1.467.375 | 1.168.300 |
| Tài sản Có khác | 14.3 | 659.564 | 399.070 |
| TỔNG TÀI SẢN | | 87.984.720 | 79.168.551 |

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02/TCTD

| | <i>Thuyết minh</i> | <i>Số cuối năm Triệu đồng</i> | <i>Số đầu năm Triệu đồng</i> |
|---|------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ | | | |
| Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | | - | 1.486.331 |
| Vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 15 | - | 1.486.331 |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác | | 12.506.650 | 11.218.162 |
| Tiền gửi của các TCTD khác | 16.1 | 11.951.664 | 8.716.081 |
| Vay các TCTD khác | 16.2 | 554.986 | 2.502.081 |
| Tiền gửi của khách hàng | 17 | 57.273.616 | 50.264.075 |
| Các công cụ tài chính phái sinh và khoản nợ tài chính khác | 8 | 20.597 | - |
| Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro | 18 | 361.725 | 352.500 |
| Phát hành giấy tờ có giá | 19 | 10.023.371 | 9.484.798 |
| Các khoản nợ khác | | 1.988.322 | 1.393.394 |
| Các khoản lãi, phí phải trả | 20.1 | 1.661.356 | 1.186.100 |
| Các khoản phải trả và công nợ khác | 20.2 | 326.966 | 207.294 |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ | | 82.174.281 | 74.199.260 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | | | |
| Vốn | | 5.016.809 | 3.670.909 |
| Vốn điều lệ | | 5.016.800 | 3.670.900 |
| Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định | | 1 | 1 |
| Thặng dư vốn cổ phần | | 8 | 8 |
| Các quỹ dự trữ | | 216.278 | 220.041 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | | 577.352 | 1.078.341 |
| TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU | 22.1 | 5.810.439 | 4.969.291 |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 87.984.720 | 79.168.551 |

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02/TCTD

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

| | <u>Thuyết minh</u> | <u>Số cuối năm Triệu đồng</u> | <u>Số đầu năm Triệu đồng</u> |
|---|------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|
| Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra | 33 | 13.177.313 | 13.845.435 |
| Bảo lãnh vay vốn | | 1.000 | 719 |
| Cam kết giao dịch hối đoái | | 12.399.057 | 12.515.201 |
| - Cam kết mua ngoại tệ | | 2.188.048 | 4.112.777 |
| - Cam kết bán ngoại tệ | | 2.170.599 | 304.053 |
| - Cam kết giao dịch hoán đổi | | 8.040.410 | 8.098.371 |
| Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng | | 3.851 | 76.867 |
| Bảo lãnh khác | | 755.843 | 1.221.828 |
| Các cam kết khác | | 17.562 | 30.820 |
| Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được | 34 | 445.224 | 270.127 |
| Nợ khó đòi đã xử lý | 35 | 2.322.582 | 2.156.810 |
| Tài sản và chứng từ khác | 36 | 9.547.213 | 5.639.929 |

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Bà Bùi Thị Quanh
Phó phòng Kế toán

Ông Lý Công Nha
Giám đốc khối tài chính
kiêm Kế toán Trưởng



Bà Văn Thành Khanh Linh
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B03/TCTD

| | Thuyết minh | Năm nay Triệu đồng | Năm trước Triệu đồng |
|---|----------------|-----------------------|-------------------------|
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 23 | 6.938.790 | 5.541.744 |
| Chi phí lãi và các chi phí tương tự | 24 | (5.463.021) | (3.829.477) |
| Thu nhập lãi thuần | | 1.475.769 | 1.712.267 |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | | 235.706 | 219.929 |
| Chi phí hoạt động dịch vụ | | (181.292) | (120.161) |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 25 | 54.414 | 99.768 |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 26 | 22.314 | 42.900 |
| Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 27 | 122.144 | (4.780) |
| Thu nhập từ hoạt động khác | | 108.788 | 68.649 |
| Chi phí hoạt động khác | | (31.473) | (4.674) |
| Lãi thuần từ hoạt động khác | 28 | 77.315 | 63.975 |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | | 956 | 1.265 |
| TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG | | 1.752.912 | 1.915.395 |
| TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG | 29 | (1.405.241) | (1.235.590) |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | | 347.671 | 679.805 |
| Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 10 | (276.515) | (224.345) |
| TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ | | 71.156 | 455.460 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 21.1 | (14.757) | (91.635) |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | | (14.757) | (91.635) |
| LỢI NHUẬN SAU THUẾ | | 56.399 | 363.825 |

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Bà Bùi Thị Quan
Phó phòng Kế toán

Ông Lý Công Nha
Giám đốc khối tài chính
kiêm Kế toán Trưởng



Bà Võ Thị Thanh Khánh Linh
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B04/TCTD

| | <i>Thuyết minh</i> | <i>Năm nay Triệu đồng</i> | <i>Năm trước Triệu đồng</i> |
|---|------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được | | 6.643.513 | 5.229.675 |
| Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả | | (5.202.610) | (3.622.671) |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được | | 54.414 | 99.768 |
| Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ | | 122.530 | 37.208 |
| Thu nhập khác | | (438) | 37.295 |
| Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro | 28 | 77.429 | 25.631 |
| Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ | | (1.351.698) | (1.202.099) |
| Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm | 21 | (19.284) | (70.049) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động | | 323.856 | 534.758 |
| Những thay đổi về tài sản hoạt động | | (6.910.959) | (7.460.566) |
| Giảm/(tăng) các khoản cho vay các TCTD khác | | 935.000 | (335.000) |
| Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán | | (784.718) | (2.231.138) |
| Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | | 82.148 | (68.927) |
| Tăng các khoản cho vay khách hàng | | (6.908.843) | (4.470.175) |
| Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất | | (216.871) | (183.387) |
| Tăng khác về tài sản hoạt động | | (17.675) | (171.939) |
| Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động | | 9.204.981 | 860.295 |
| (Giảm)/tăng các khoản nợ chính phủ và NHNN | | (1.486.331) | 1.486.331 |
| Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD | | 1.288.488 | (3.522.043) |
| Tăng tiền gửi của khách hàng | | 7.009.541 | 4.885.303 |
| Tăng/(giảm) phát hành giấy tờ có giá | | 2.254.323 | (2.273.855) |
| Tăng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro | | - | 352.500 |
| Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | | 20.597 | - |
| Tăng/(giảm) khác về nợ phải trả hoạt động | | 128.885 | (67.391) |
| Chi từ các quỹ của TCTD | | (10.522) | (550) |
| Tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh | | 2.617.878 | (6.065.513) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Mua sắm tài sản cố định | | (118.789) | (388.551) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | | 2.384 | 4.971 |
| Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn | | 1.265 | 944 |
| Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư | | (115.140) | (382.636) |

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B04/TCTD

| | <i>Thuyết minh</i> | <i>Năm nay Triệu đồng</i> | <i>Năm trước Triệu đồng</i> |
|---|------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu | | 795.271 | - |
| Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác | | 384.380 | 2.077.740 |
| Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác | | (2.100.130) | (896.500) |
| Tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính | | (920.479) | 1.181.240 |
| Tiền thuần trong năm | | 1.582.259 | (5.266.909) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 30 | 11.238.000 | 16.504.909 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm | 30 | 12.820.259 | 11.238.000 |

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Bùi Thị Quanh
Phó phòng Kế toán



Ông Lý Công Nha
Giám đốc khối tài chính
kiểm Kế toán Trưởng



Bà Văn Thanh Khánh Linh
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

1. THÔNG TIN NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt ("Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 576/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 10 năm 1992, Giấy phép hoạt động ngân hàng số 0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp ngày 22 tháng 8 năm 1992. Ngày 13 tháng 12 năm 2011, NHNN ban hành Quyết định số 2665/QĐ-NHNN chấp thuận việc sửa đổi tên gọi của Ngân hàng từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Gia Định thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 22 tháng 8 năm 1992.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16 tháng 10 năm 1992 và đăng ký thay đổi lần thứ 30 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 6 năm 2023.

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm hoạt động huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung ứng dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 5.016.800 triệu VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3.670.900 triệu VND).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính tại Tòa nhà HM-Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng có một (1) trụ sở chính, ba mươi tám (38) chi nhánh, bảy mươi bảy (77) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.557 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.481 người).

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng có một (1) công ty con như sau:

| Công ty | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép thành lập | Hoạt động chính | Tỷ lệ sở hữu |
|--|--|-----------------|--------------|
| Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt | Giấy phép Kinh doanh số 0311401011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 12 năm 2011. Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23 tháng 1 năm 2019. | Quản lý tài sản | 100% |

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

2. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng là đồng Việt Nam ("VND"). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng"). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính riêng về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng.

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính riêng đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3.2 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Ngân hàng có một công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh 1* và *Thuyết minh 12*. Ngân hàng đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 49/2014/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Ngân hàng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con.

3.3 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của riêng của Ngân hàng được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 về việc ban hành hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 về ban hành chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN; và các Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và lãnh thổ khác bên ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính riêng này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành là các khoản mục không có số dư.

3.4 *Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng*

Việc trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính và dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 *Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, trừ thay đổi sau:

Thông tư số 02/2023/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 23 tháng 4 năm 2023 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn ("Thông tư 02")

Các nội dung chính của Thông tư 02 bao gồm:

- ▶ Phạm vi và điều kiện đối với khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ;
- ▶ Nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ và phân loại loại nợ, hạch toán lãi dự thu và trích lập dự phòng đối với khoản nợ có số dư nợ gốc và/hoặc lãi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2023.

4.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các khoản tiền gửi thanh toán, tiền gửi tại các TCTD khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi, các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 *Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác*

Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác được trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư 11/2021/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2021 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 11").

Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại và cho vay các TCTD khác theo phương pháp nêu tại *Thuyết minh 4.5*.

Theo Thông tư 11, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác.

4.4 *Cho vay khách hàng*

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 11 như trình bày trong *Thuyết minh 4.5*.

4.5 *Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác*

4.5.1 *Phân loại nợ và dự phòng rủi ro tín dụng*

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ") được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 11. Theo đó, các khoản nợ được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản nợ. Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng chung với mức bằng 0,75% tổng số dư các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4 ngoại trừ các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác; các khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành; các khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo kết quả phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 12. Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản bảo đảm được quy định trong Thông tư 11.